TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày: 31-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng.

2. Bà Lê Thị Một.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Ngọc Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trung Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Huỳnh Quang S, sinh năm 1992 tại tỉnh TN; Nơi cư trú: Tổ X, ấp TH, xã ĐK, huyện CT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Quang T (không xác định được năm sinh và nơi đăng ký nhân khẩu thường trú) và bà Huỳnh Thị Lệ T (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 12-11-2018, chuyển tạm giam từ ngày 15-11-2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại tòa.

Bị hại: Chị Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số nhà 4X, Hẻm 9X, Đường CMTT, Khu phố X, Phường X, thành phố TN, tỉnh TN; Vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 12-11-2018, Huỳnh Quang S đi bộ một mình phát hiện trong sân nhà chị Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1984, ngụ: Số nhà 4X, Hẻm 9X, Đường CMTT, Khu phố X, Phường X, thành phố TN, tỉnh TN có

dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 70B1-626.72 không có người trong coi, cổng rào không khóa. Lúc này, S nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên thế chấp lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên lén lút vào lấy trộm, trên xe có sẵn chìa khóa, mũ bảo hiểm, S đẩy xe ra phía ngoài nổ máy chạy đi. Sau khi lấy trộm được xe, S điều khiển đến các tiệm cầm đồ (không rõ biển hiệu), thuộc xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN thế chấp, nhưng do không có giấy chứng nhận đăng ký xe nên không thế chấp được. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, S tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN, Huỳnh Quang S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện.

* Kết luận định giá tài sản số 63/KLĐG-TTHS, ngày 13-11-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố TN, tỉnh TN, kết luận: Xe mô tô hai bánh, biển số 70B1-626.72, nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, số máy JF66E0087071, số khung 5814GY087054, đã qua sử dụng của chị Trương Thị Ngọc L có trị giá là 24.000.000 đồng. Nón bảo hiểm màu sơn trắng đỏ đen có chữ "Hoài Minh", không đủ cơ sở để định giá.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 Xe mô tô, biển số 70B1-626.72, nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, số máy JF66E0087071, số khung 5814GY087054; 01 nón bảo hiểm màu sơn trắng đỏ đen có chữ "Hoài Minh"; 01 sổ lãnh tiền hưu mang tên Lâm Thị H đã trả lại cho bị hại Trương Thị Ngọc L và bị hại không yêu cầu bồi thường.

Qua xác minh Huỳnh Quang S không có tài sản, nên không tiến hành kê biên.

* Bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN truy tố bị cáo Huỳnh Quang S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, ngày 12-11-2018 Huỳnh Quang S đã lén lút lấy trộm xe mô tô, biển số 70B1-626.72, nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, số máy JF66E0087071, số khung 5814GY087054, đã qua sử dụng của chị Trương Thị Ngọc L có trị giá là 24.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, phải chịu trách nhiệm hình sự nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Quang S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Quang S từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 Xe mô tô, biển số 70B1-626.72, nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, số máy JF66E0087071, số khung 5814GY087054; 01 nón bảo hiểm màu sơn trắng đỏ đen có chữ "Hoài Minh"; 01 sổ lãnh tiền hưu mang tên Lâm Thị H đã trả lại cho bị hại Trương Thị Ngọc L và bị hại không yêu cầu bồi thường.

Bị cáo S không tự bào chữa, không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Quang S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, ngày 12-11-2018 Huỳnh Quang S đã lén lút lấy trộm xe mô tô, biển số 70B1-626.72, nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, số máy JF66E0087071, số khung 5814GY087054, đã qua sử dụng của chị Trương Thị Ngọc L có trị giá là 24.000.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị cáo Huỳnh Quang S đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động nên cố ý phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản gì khác nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trương Thị Ngọc L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận 01 Xe mô tô, biển số 70B1- 626.72, nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, số máy JF66E0087071, số khung 5814GY087054; 01 nón bảo hiểm màu sơn trắng đỏ đen có chữ "Hoài Minh"; 01 sổ lãnh tiền hưu mang tên Lâm Thị H đã trả lại cho bị hại Trương Thị Ngọc L.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Quang S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

[1] Tuyên bố bị cáo Huỳnh Quang S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Quang S 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12-11-2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Trương Thị Ngọc L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ghi nhận 01 Xe mô tô, biển số 70B1- 626.72, nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, số máy JF66E0087071, số khung 5814GY087054; 01 nón bảo hiểm

màu sơn trắng đỏ đen có chữ "Hoài Minh"; 01 sổ lãnh tiền hưu mang tên Lâm Thị Hưa đã trả lại cho bị hại Trương Thị Ngọc L.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Huỳnh Quang S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã/phường địa phương nơi cư trú.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- Đội ĐTTP về TTATXH;
- Đội PV 27;
- CC THADS TPTN;
- THAHS
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Dung